

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2020/HC-ST**  
Ngày 19-8-2020  
V/v khiếu kiện quyết định hành  
chính thu hồi giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hanh

Ông Trần Duy Ngọc

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Văn Đăng– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2019/TLST-HC ngày 26 tháng 04 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HC ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Ngô Thị B – sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 01/39 đường TP, Phường 8, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**2. Người bị kiện:**

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; địa chỉ trụ sở: Số 07, đường Độc Lập, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên:* Ông Mai Kim L – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2.2 Ủy ban nhân dân thành phố TH tỉnh Phú Yên;

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ trụ sở: Số 02, đường T thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố TH, Chủ tịch UBND thành phố TH:* Ông Hà Vũ M – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TH. Có mặt.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên; Vắng mặt. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Ngân hàng A (Chi nhánh Phú Yên); Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3 Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên;

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường 5, thành phố TH:* Bà Lê Thị Thu P – Công chức địa chính. Có mặt.

3.4 Ông Lương Công T, sinh năm 1960; địa chỉ: 79/11 đường N, Phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.5 Ông Lương Công C, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 79/11 đường Nguyễn Huệ, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.6 Bà Lương Thị Kim A, sinh năm 1950; địa chỉ: 79/11 N, phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.7 Ông Lương Công B, sinh năm 1969; địa chỉ: 19/11 N, phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.8 Ông Lương Công N, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố NT, phường 9, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.9 Bà Lương Thị Quế T, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố P, phường 9, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.10 Bà Lương Thị Kim U, sinh năm 1973; địa chỉ: 25 T, phường 1, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.11 Bà Lương Thị Tuyết M, sinh năm 1965; địa chỉ: 21 NT, phường 4, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.12 Ông Lương Công C1, sinh năm 1976; địa chỉ: 21 Nguyễn Trãi, phường 4, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3.13 Bà Nguyễn Thị Kim P – sinh năm 1946; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.14 Bà Lương Thị T – sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 9, TDP 10, phường Đồ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện cũng như tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện bà Ngô Thị B trình bày:***

Năm 2003, vợ chồng bà Ngô Thị B và ông Lương Công C được cha mẹ chồng là ông Lương Công H, bà Nguyễn Thị M tặng cho quyền sử dụng nhà và đất đối với căn nhà số 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Do nhà, đất chưa có giấy chứng nhận nên việc tặng cho không lập thành văn bản. Năm 2004, mẹ chồng là bà Nguyễn Thị M có viết một giấy tay và điểm chỉ xác nhận cho vợ chồng bà B, quyền sử dụng đất và nhà nêu trên. Bà B thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và nộp thuế đầy đủ. Ngày 24/11/2005, UBND thành phố TH đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AC 781685 công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Ngô Thị B, ông Lương Công C thửa đất số 261, tờ bản đồ số 08, diện tích 145,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Quá trình sử dụng đất từ 2005 đến 2015 không ai tranh chấp. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giấy tặng cho của bà Nguyễn Thị M là lỗi của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố TH làm thất lạc, không phải do phía bà B. UBND thành phố TH dựa vào quyết định số 6960/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Công Thành ban hành quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng bà Ngô Thị B, ông Lương Công C là không đúng. Bà B không đồng ý, đã khiếu nại theo thẩm quyền, chủ tịch UBND thành phố TH đã ban hành quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 và chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 giải quyết đơn không công nhận nội dung khiếu nại của bà B.

Do vậy bà yêu cầu hủy các quyết định hành chính số 6960/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Công Thành; Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND thành phố TH về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Ngô Thị B; Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Ngô Thị B; Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Ngô Thị B.

***Người bị kiện UBND thành phố TH trình bày:*** Theo công văn số 1066/UBND ngày 14/6/2019: Việc UBND thành phố TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 781685 cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Ngô Thị B vào năm 2005 tại địa chỉ 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, diện tích 145,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 261, tờ bản đồ 08 là không đúng với quy định pháp luật vì lý do: Nguồn gốc thửa đất 261, tờ bản đồ 08, diện tích 145,1m<sup>2</sup> (diện tích xây dựng

nhà là 68,12m<sup>2</sup>) là của vợ chồng ông Lương Công H, bà Nguyễn Thị M (cha mẹ ông Lương Công C) nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Hữu K, bà Trương Thị Cửu theo đơn xin mua nhà và bán nhà đề ngày 21/10/1983 được UBND thị xã TH chứng thực và Sở xây dựng tỉnh Phú Yên xác nhận về quy hoạch, nhưng chưa làm thủ tục để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà; Vợ chồng ông Lương Công H có tên trong sổ địa chính lập năm 2002, trang số 38, quản lý số 220151263 đang lưu trữ tại UBND phường 5.

Thời điểm UBND thành phố TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 781685 năm 2005 cho vợ chồng ông Lương Công C, thì vợ chồng ông H, bà M còn sống nhưng hồ sơ không có giấy chuyển nhượng hoặc tặng cho giữa vợ chồng ông H, bà M với vợ chồng ông C, bà B.

Theo biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị M vợ ông Lương Công H và các con bà M (ông Lương Công Nhựt, Lương Công Bôn, Lương Thị Kim Út, Lương Thị Tuyết Mai) khi xác minh nội dung khiếu nại của ông Lương Công Thành, đều xác nhận ngôi nhà là của ông Lương Công H, bà Nguyễn Thị M mua để cho các con ở. Từ trước đến nay, cha, mẹ không có lập giấy tờ hay hợp gia đình cho tặng nhà, đất tại 79/11 Nguyễn Huệ cho vợ chồng ông C, bà B. Việc vợ chồng ông C, bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, các ông, bà không được biết.

Từ những cơ sở trên, UBND thành phố TH ban hành các quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 về việc thu hồi giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố TH cấp cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Nguyễn Thị B là đúng theo quy định tại điểm d, khoản 2, điều 106 Luật đất đai 2013, điểm a, khoản 4, điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Do vậy, UBND thành phố TH vẫn giữ nguyên quyết định thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại ông Lương Công Thành, Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị B.

*Người bị kiện chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên trình bày:* Theo công văn số 3175/UBND-NC ngày 17/6/2019, UBND tỉnh Phú Yên đồng tình với quan điểm giải quyết của UBND thành phố TH. Theo hồ sơ mua bán nhà, đất số 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5 của vợ chồng ông Lương Công H, bà Nguyễn Thị M nêu trên thì nhà, và đất của ông H, bà M do nhận chuyển nhượng từ ông K, bà Cửu. Thời gian từ năm 2005 đến năm 2009, ông H, bà M vẫn còn sống. Đến tháng 6/2009 thì ông H chết không để lại di chúc. Từ trước đến khi chết, ông H, bà M không có lập giấy tờ để tặng cho nhà, đất số 79/11 Nguyễn Huệ cho vợ chồng ông C, bà B. Tuy nhiên, vào năm 2005 vợ chồng ông C, bà B đã tự ý thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 261, tờ bản số 08, UBND phường 5, cũng như Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố

TH do thiếu kiểm tra hồ sơ địa chính đã tham mưu cho UBND thành phố TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 781685 năm 2005 cho vợ chồng ông C, bà B là không đúng với quy định tại khoản 1, 2 điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004. UBND thành phố TH thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà B là đúng với quy định của pháp luật, do vậy UBND tỉnh Phú Yên vẫn giữ nguyên quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Ngô Thị B.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

UBND phường 5 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên: Thống nhất với quan điểm của người bị kiện.

*Ông Lương Công C:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B. Ông cho rằng thời điểm năm 2005, Nhà nước có chủ trương làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cha, mẹ đồng ý để ông và bà B làm giấy và đứng tên trong chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau thời gian sử dụng không có tranh chấp, đến khi ông C và bà B có nguyện vọng tháo dỡ nhà xây dựng lại thì các anh, chị, em trong nhà đều đồng tình, chỉ có ông Lương Công Thành cản trở, khi tháo dỡ rồi không cho xây dựng, dẫn đến việc khiếu nại. Yêu cầu HĐXX xem xét giải quyết công nhận các yêu cầu khởi kiện của bà B.

*Bà Lương Thị Quế Tâm trình bày:* Thống nhất với quan điểm khởi kiện của bà Ngô Thị B, vợ chồng bà B, ông C chung sống và chăm sóc cha mẹ (ông H, bà M) lúc ốm đau, chăm lo cúng giỗ trong gia đình nên thừa hưởng tài sản cha, mẹ cho là đúng với đạo lý. Đề nghị tòa xem xét giải quyết.

*Ông Lương Công T, ông Lương Công N, ông Lương Công B, ông Lương Công C1, bà Lương Thị H, bà Lương Thị Tuyết M, bà Lương Thị Kim U đều thống nhất trình bày:* Tài sản nhà và đất tại địa chỉ số 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố TH là tài sản của cha, mẹ là ông Lương Công H và bà Nguyễn Thị M mua của ông Nguyễn Hữu K và bà Trương Thị Cửu có giấy tờ mua bán. Quá trình cha, mẹ tạo dựng tài sản để cho các anh, chị, em trong gia đình sống chung, ai lập gia đình thì ra ở riêng, cha, mẹ không phân chia tài sản này cho ai đến lúc chết. Việc ông C, bà B tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005, các anh, chị, em trong gia đình không ai hay biết. Do vậy, việc UBND thành phố TH thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho vợ chồng ông C, bà B và giải quyết bác đơn khiếu nại là đúng với thực tế, phù hợp với pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B.

Tại phiên tòa người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:* Bà Ngô Thị B khởi kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố TH cấp cho vợ chồng bà B, ông C; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thành phố TH; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của UBND tỉnh Phú Yên và quyết định giải quyết khiếu nại của ông Lương Công Thành vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, là quan hệ giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30, 32 luật Tố tụng hành chính. UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai vào ngày 07/9/2018, đến ngày 28/01/2019 bà Ngô Thị B khởi kiện là đúng thời hiệu khởi kiện theo điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] *Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:*

Ngày 01/8/2016 ông Lương Công Thành trình bày nội dung phản ánh, khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Ngô Thị B không đúng quy định pháp luật, đề nghị xác minh, thu thập, làm rõ. Sau khi kiểm tra, xác minh UBND thành phố TH căn cứ Điều 30 luật giải quyết khiếu nại năm 2011 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 6960/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 công nhận nội dung khiếu nại của ông Lương Công Thành.

Đối với các quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND thành phố TH về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Ngô Thị B; Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Ngô Thị B; Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Ngô Thị B đều dựa trên kết quả xác minh nguồn gốc sử dụng đất để giải quyết là đúng thực tế và đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết.

[3] *Về nguồn gốc sử dụng đất, điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:* Nguyên nguồn gốc đất, nhà thửa số 261, tờ bản đồ số 08, diện tích 145,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố TH của vợ chồng ông Lương Công H, bà Nguyễn Thị M nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông

Nguyễn Hữu K, bà Trương Thị C vào ngày 21/10/1983, có xác nhận của UBND thị xã TH chứng nhận vào ngày 08/11/1984 và sở xây dựng tỉnh Phú Yên xác nhận. Nhà và đất do vợ chồng ông H, bà M nhận chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2005, UBND phường 5 có thông báo cho nhân dân làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà, cán bộ UBND phường 5 có đến nhà, yêu cầu đăng ký kê khai nhà, đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó ông Lương Công C, bà Ngô Thị B sống chung với cha, mẹ là ông H, bà M nên đã kê khai và được UBND thành phố TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 781685 cho vợ chồng ông C, bà B. Đến tháng 6/2009 ông Lương Công H chết, năm 2018 bà Nguyễn Thị M chết, trước lúc chết không để lại di chúc, phân chia di sản cho ai. Gia đình ông H, bà M gồm có 09 người con: bà Lương Thị Hạnh, ông Lương Công C, ông Lương Công Thành, bà Lương Thị Tuyết Mai, bà Lương Thị Quế Tâm, ông Lương Công Nhựt, ông Lương Công Bôn, ông Lương Công Chí và bà Lương Thị Kim Út. Như vậy, di sản của ông H, bà M do 09 người con quản lý, sở hữu, việc ông C, bà B tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình không ai biết và không đồng ý. Theo hồ sơ kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lưu trữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố TH), bà B, ông C kê khai nguồn gốc do cha, mẹ cho năm 2003, nhưng không thể hiện bằng văn bản, giấy tờ lưu trữ thể hiện việc tặng cho.

Việc bà Ngô Thị B có xuất trình giấy tặng cho “giấy cho nhà” ghi tên bà Nguyễn Thị M ngày 10/6/2004 (bản phô tô) không có công chứng, chứng thực. Bà B cho rằng, bà và ông C được cha, mẹ viết giấy tặng cho nhà và đất, nhưng cơ quan chức năng làm mất bản gốc không phải do lỗi của bà. Xét “giấy cho nhà” được xem là một trong các loại giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1,2, 5 điều 50 luật đất đai năm 2003. Tuy nhiên, về hình thức và nội dung thực hiện việc tặng cho không đảm bảo (thời điểm này ông H là đồng sở hữu tài sản còn sống, nhưng viết giấy cho nhà chỉ có bà M lăn tay, chưa được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật). Trong khi đó, UBND thành phố TH căn cứ vào hồ sơ kê khai của ông C, bà B vào năm 2005 là đất nhận chuyển nhượng từ năm 1983, giấy tờ nhận chuyển nhượng bị mất và có xác nhận của UBND phường 5 là đất sử dụng ổn định, không tranh chấp nên căn cứ vào khoản 4 Điều 50 luật đất đai năm 2003 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C, bà B là thiếu sót do chưa xác minh thực tế, không kiểm tra về nguồn gốc.

Từ những căn cứ nêu trên xác định: UBND thành phố TH công nhận nội dung khiếu nại của ông Lương Công Thành bằng quyết định số 6960/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 đồng thời ban hành quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Ngô Thị B là có căn cứ.

Xét ý kiến của ông Lương Công C, bà Lương Thị Quế Tâm cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B, yêu cầu hủy các quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Công Thành, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như các quyết định giải quyết khiếu nại là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên, người bị kiện, cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B vì không có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 30, 32, 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị B đối với yêu cầu hủy các quyết định hành chính số 6960/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Công Thành; Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND thành phố TH về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AC 781685, tại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 08, diện tích 145,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại 79/11 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố TH, tỉnh Phú Yên, đất cấp cho vợ chồng ông Lương Công C, bà Ngô Thị B; Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Ngô Thị B; Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Ngô Thị B. Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0013035 ngày 26 tháng 04 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.



***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Minh**